

# 第24回 川俣町フェンシング大会 公式記録

期日：平成24年9月16日(日)  
会場：川俣町体育館

# 小学1・2・3年混合 1回戦

7・8位は技術委員会抽選により決定

## 第1プール

	所属	氏名	1	2	3	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	本吉町F	佐藤 和		V 5	V 5	2	1.00	10	2	5.000	5.000	2
2	気仙沼F	川村 海以	2		V 5	1	0.50	7	8	0.875	3.500	6
3	米沢市FS	八巻 陽咲	0	3		0	0.00	3	10	0.300	1.500	8

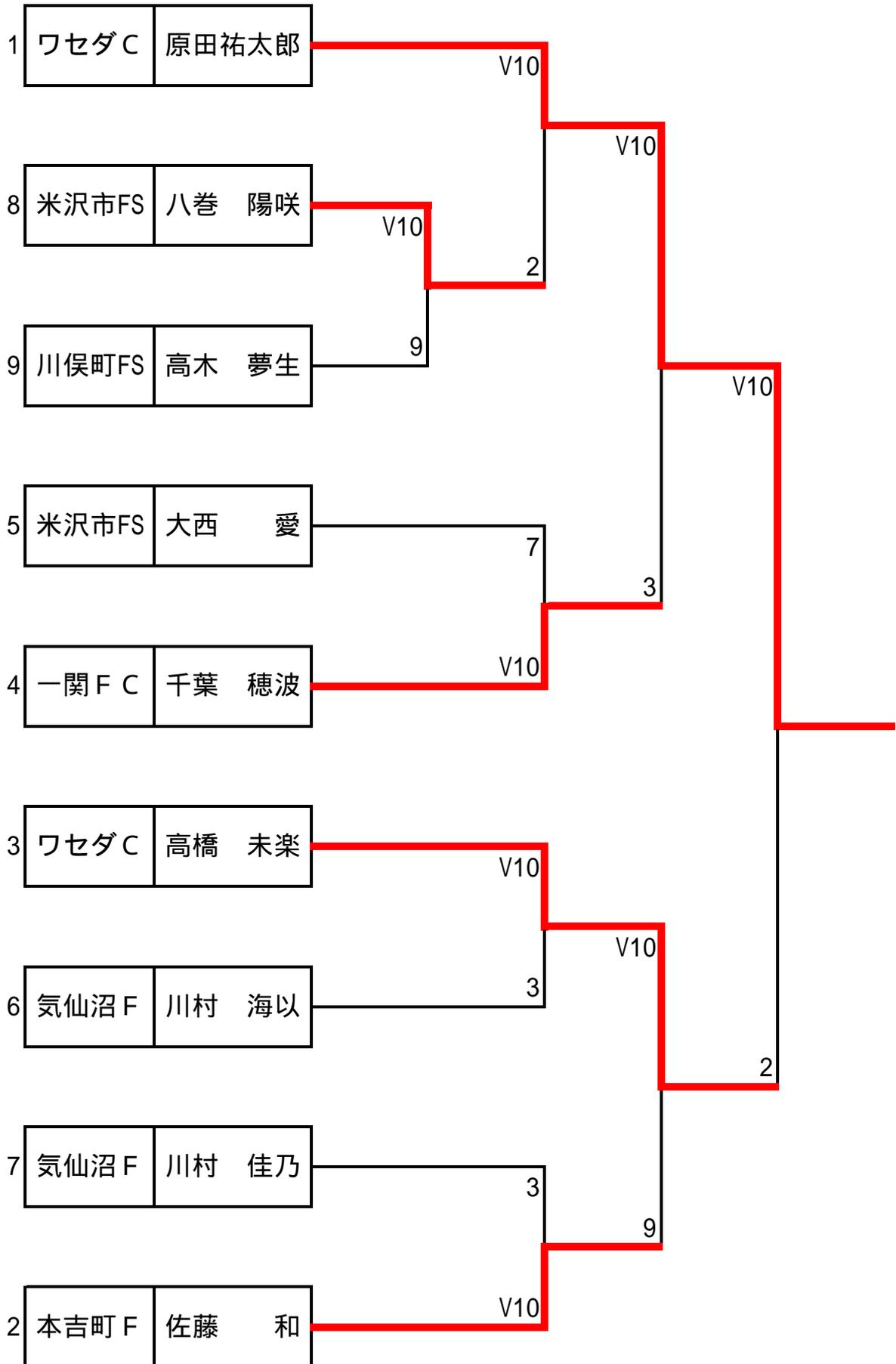
## 第2プール

	所属	氏名	1	2	3	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	気仙沼F	川村 佳乃		2	1	0	0.00	3	10	0.300	1.500	7
2	ワセダC	高橋 未楽	V 5		V 5	2	1.00	10	4	2.500	5.000	3
3	米沢市FS	大西 愛	V 5	2		1	0.50	7	6	1.167	3.500	5

## 第3プール

	所属	氏名	1	2	3	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	川俣町FS	高木 夢生		0	0	0	0.00	0	10	0.000	0.000	9
2	ワセダC	原田祐太郎	V 5		V 5	2	1.00	10	1	10.000	5.000	1
3	一関FC	千葉 穂波	V 5	1		1	0.50	6	5	1.200	3.000	4

# 小学1・2・3年混合エリミネションディレクト



# 小学4・5・6年男子 1回戦

3・4位は技術委員会抽選により決定

## 第1プール

所属	氏名	1	2	3	4	5	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1 本吉町F	藤澤 将匡		V 5	V 5	V 5	V 5	4	1.00	20	4	5.000	5.000	3
2 気仙沼F	但野 吹樹	3		V 5	V 5	V 5	3	0.75	18	9	2.000	4.500	8
3 仙台FC	内ヶ崎良磨	1	3		V 5	4	1	0.25	13	19	0.684	3.250	18
4 米沢市FS	安斎佑希将	0	1	4		V 5	1	0.25	10	19	0.526	2.500	20
5 川俣町FS	佐藤 史喜	0	0	V 5	4		1	0.25	9	19	0.474	2.250	21

## 第2プール

所属	氏名	1	2	3	4	5	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1 蓮田FC	浅海正哉(棄権)		0	0	0	0	0	0.00	0	20	0.000	0.000	28
2 前橋F	齋藤 廉	V 5		2	V 5	V 5	3	0.75	17	5	3.400	4.250	7
3 一関FC	佐藤 龍	V 5	V 4		V 5	V 5	4	1.00	19	2	9.500	4.750	2
4 気仙沼F	菅原 豊史	V 5	0	0		V 5	2	0.50	10	13	0.769	2.500	15
5 米沢市FS	三浦 綾	V 5	1	0	3		1	0.25	9	15	0.600	2.250	19

## 第3プール

所属	氏名	1	2	3	4	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1 OHME FC	川村 京太		V 5	V 5	V 5	3	1.00	15	0		5.000	1
2 蓮田FC	浅海 聖哉	0		V 5	V 5	2	0.67	10	9	1.111	3.333	12
3 気仙沼F	小野寺隼人	0	0		2	0	0.00	2	15	0.133	0.667	26
4 米沢市FS	高田 恭成	0	4	V 5		1	0.33	9	12	0.750	3.000	17

## 第4プール

所属	氏名	1	2	3	4	5	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1 福島市FC	廣瀬 歩		0	2	1	2	0	0.00	5	19	0.263	1.250	25
2 OHME FC	メド・サ・シール	V 5		V 5	V 5	V 5	4	1.00	20	6	3.333	5.000	6
3 気仙沼F	内海 貴仁	V 5	2		V 5	1	2	0.50	13	9	1.444	3.250	13
4 本吉町F	佐藤 温	V 5	0	0		0	1	0.25	5	16	0.313	1.250	23
5 Fステジ	新井 謙信	V 4	4	V 2	V 5		3	0.75	15	8	1.875	3.750	9

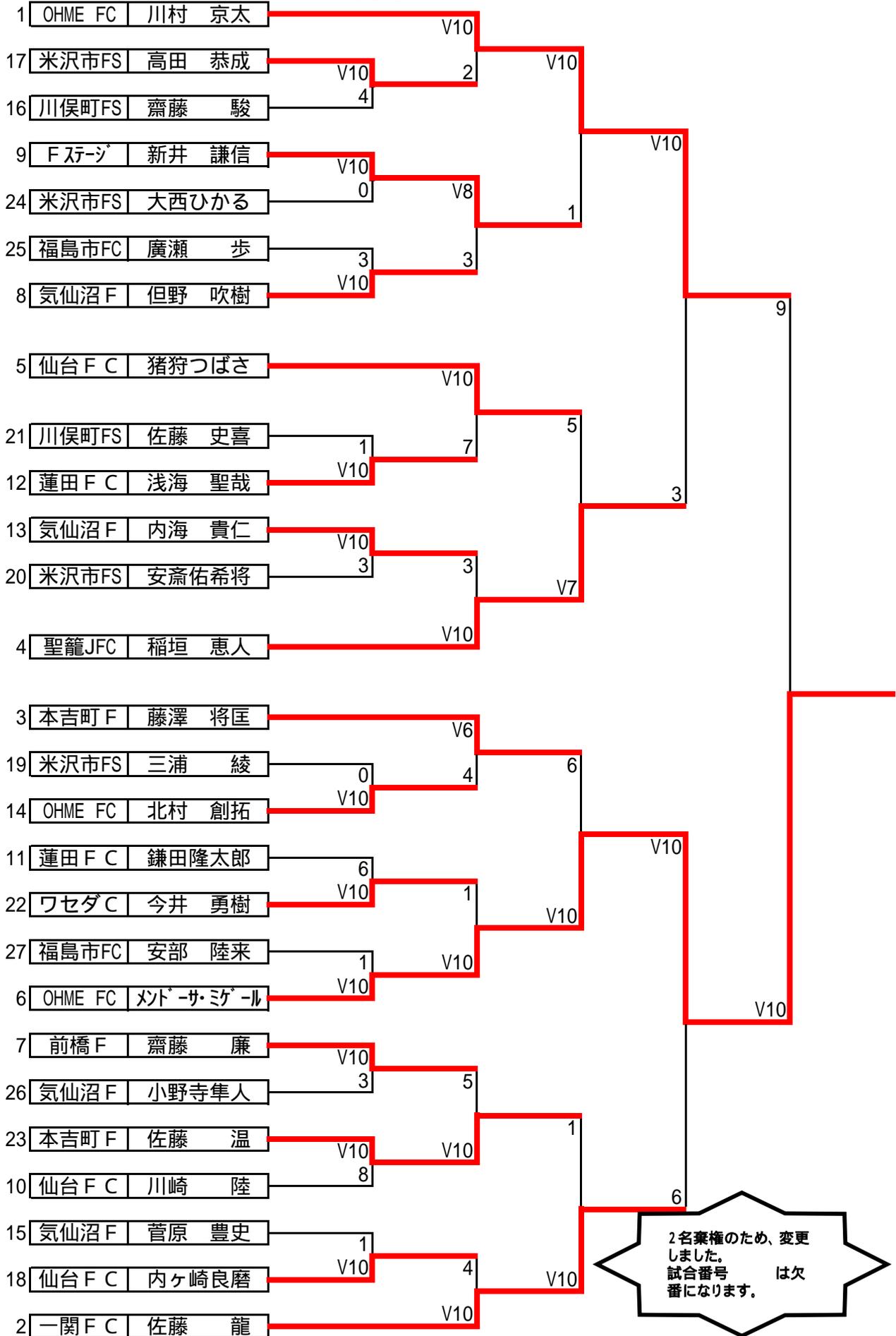
## 第5プール

所属	氏名	1	2	3	4	5	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1 聖籠JFC	稲垣 恵人		V 5	V 5	V 5	V 5	4	1.00	20	4	5.000	5.000	4
2 仙台FC	川崎 陸	1		V 5	V 2	V 4	3	0.75	12	13	0.923	3.000	10
3 ワセダC	今井 勇樹	1	4		V 3	0	1	0.25	8	17	0.471	2.000	22
4 米沢市FS	大西ひかる	2	1	2		1	0	0.00	6	15	0.400	1.500	24
5 OHME FC	北村 創拓	0	3	V 5	V 5		2	0.50	13	10	1.300	3.250	14

## 第6プール

所属	氏名	1	2	3	4	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1 蓮田FC	鎌田隆太郎		V 5	V 5	0	2	0.67	10	5	2.000	3.333	11
2 福島市FC	安部 陸来	0		0	0	0	0.00	0	15	0.000	0.000	27
3 川俣町FS	齋藤 駿	1	V 5		3	1	0.33	9	10	0.900	3.000	16
4 仙台FC	猪狩つばさ	V 4	V 5	V 5		3	1.00	14	3	4.667	4.667	5

# 小学4・5・6年男子エリミナションディレクト



# 小学4・5・6年女子 1回戦

## 第1プール

	所属	氏名	1	2	3	4	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	菅谷台小	狩野央梨沙		V 5	V 5	V 5	3	1.00	15	2	7.500	5.000	1
2	仙台F C	石橋 早貴	2		0	1	0	0.00	3	15	0.200	1.000	7
3	本吉町F	斎藤 利莉	0	V 5		V 5	2	0.67	10	6	1.667	3.333	3
4	気仙沼F	鈴木 古都	0	V 5	1		1	0.33	6	11	0.545	2.000	5

## 第2プール

	所属	氏名	1	2	3
1	川俣町FS	菅野 桃子		V 5	V 5
2	仙台F C	今野 杏咲	4		V 5
3	米沢市FS	八巻 日陽	1	2	

V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
2	1.00	10	5	2.000	5.000	2
1	0.50	9	7	1.286	4.500	4
0	0.00	3	10	0.300	1.500	6



# 中学生男子 1回戦

17・18位は技術委員会抽選により決定

## 第1プール

	所属	氏名	1	2	3	4	5	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	本吉町 F	三浦 秀也		V 5	V 5	V 5	V 4	4	1.00	19	7	2.714	4.750	2
2	聖籠 JFC	稲垣 武人	1		V 4	V 5	V 5	3	0.75	15	8	1.875	3.750	6
3	川俣町 FS	長澤 将太	0	1		3	1	0	0.00	5	16	0.313	1.250	19
4	川俣町 FS	高木 大夢	3	2	V 5		V 5	2	0.50	15	17	0.882	3.750	9
5	気仙沼 F	鈴木 開	3	0	V 2	4		1	0.25	9	15	0.600	2.250	15

## 第2プール

	所属	氏名	1	2	3	4	5	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	福大附中	廣瀬 新		4	V 5	V 5	V 5	3	0.75	19	8	2.375	4.750	4
2	仙台 F C	横田 泰一	V 5		V 5	V 5	V 5	4	1.00	20	7	2.857	5.000	1
3	川俣町 FS	高橋 利貴	0	1		V 5	V 5	2	0.50	11	14	0.786	2.750	10
4	川俣町 FS	大津 陽平	1	2	1		V 5	1	0.25	9	17	0.529	2.250	16
5	米沢市 FS	戸田風優人	2	0	3	2		0	0.00	7	20	0.350	1.750	17

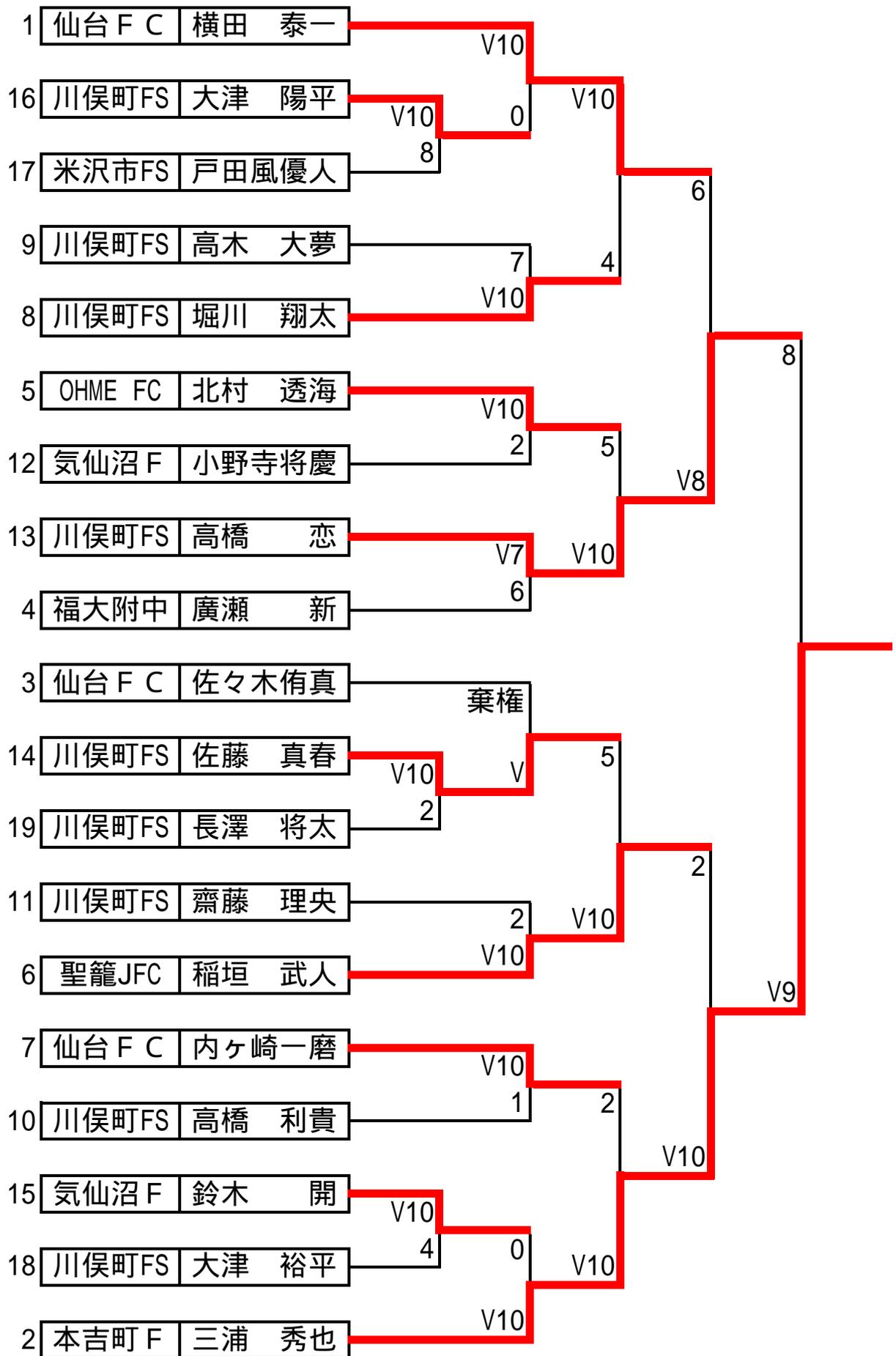
## 第3プール

	所属	氏名	1	2	3	4	5	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	川俣町 FS	大津 裕平		1	3	2	1	0	0.00	7	20	0.350	1.750	18
2	川俣町 FS	佐藤 真春	V 5		3	2	2	1	0.25	12	16	0.750	3.000	14
3	川俣町 FS	堀川 翔太	V 5	V 5		V 5	0	3	0.75	15	15	1.000	3.750	8
4	仙台 F C	内ヶ崎一磨	V 5	V 5	4		V 5	3	0.75	19	12	1.583	4.750	7
5	OHME FC	北村 透海	V 5	V 5	V 5	3		3	0.75	18	8	2.250	4.500	5

## 第4プール

	所属	氏名	1	2	3	4	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	川俣町 FS	高橋 恋		3	2	V 5	1	0.33	10	14	0.714	3.333	13
2	川俣町 FS	齋藤 理央	V 5		3	3	1	0.33	11	12	0.917	3.667	11
3	仙台 F C	佐々木侑真	V 5	V 4		V 5	3	1.00	14	6	2.333	4.667	3
4	気仙沼 F	小野寺将慶	4	V 5	1		1	0.33	10	13	0.769	3.333	12

# 中学生男子エリミナションディレクト



# 中学生女子 1回戦

## 第1プール

	所属	氏名	1	2	3	4	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	米沢市FS	高田 真帆		V 5	4	V 5	2	0.67	14	8	1.750	4.667	3
2	東京 F S	坂井 真子	1		V 5	V 5	2	0.67	11	10	1.100	3.667	5
3	川俣町FS	高橋 七美	V 5	4		V 5	2	0.67	14	9	1.556	4.667	4
4	川俣町FS	齋藤 心	2	1	0		0	0.00	3	15	0.200	1.000	7

## 第2プール

	所属	氏名	1	2	3	4	V	V/M	TD	TR	TD/TR	TD/M	順位
1	川俣町FS	菅野 千尋		1	V 5	V 5	2	0.67	11	5	2.200	3.667	2
2	一関 F C	千葉 朱夏	V 5		V 5	V 5	3	1.00	15	1	15.000	5.000	1
3	川俣町FS	長澤 里紗	0	0		V 5	1	0.33	5	12	0.417	1.667	6
4	川俣町FS	齋藤 朱乃	0	0	2		0	0.00	2	15	0.133	0.667	8

# 中学生女子エリミナションディレクト

